BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2025

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản trị nhân lực

Khoá học : 2026 – 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1140/QĐ-ĐHPĐ-ĐT, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phương Đông)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình đào tạo (CTĐT)	
Quản trị nhân lực	
Đơn vị cấp bằng	**Đơn vị giảng dạy**
Trường Đại học Phương Đông	Trường Đại học Phương Đông
Khoa quản lý	
Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	
Trang thông tin điện tử của khoa	
https://www.phuongdong.edu.vn/khoa-kinh-te-quan-tri-kinh-doanh	
Tên văn bằng	
Cử nhân	
Mã ngành đào tạo	
7340104	
Điều kiện tuyển sinh	
Ngành Quản trị nhân lực tuyển sinh theo các phương thức sau: - Phương thức 1: xét tuyển theo kết quả Kỳ thi trung học phổ thông Quốc gia; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập bậc THPT (học bạ).	

Chương trình	**Thời gian đào tạo**	**Hình thức đào tạo**	**Thời gian bắt đầu áp dụng**	**Phương thức đào tạo**
Cử nhân Quản trị nhân lực	3,5 năm (10 học kỳ)	Chính quy tập trung	Tháng 9/2026	Lên lớp trực tiếp tại các cơ sở; học trực tuyến; kiến tập, thực tập thực tế
Ngôn ngữ giảng dạy chính				
Tiếng Việt				

Ngôn ngữ dùng để đánh giá
Tiếng Việt

2. Đội ngũ giảng viên và chuyên viên/nhân viên cơ hữu

TT	Học hàm - Học vị	Số lượng				Ghi chú
		Giảng viên cơ hữu	Cán bộ quản lý	Chuyên viên/nhân viên	Tổng cộng	
1	Giáo sư	2	0		2	
2	Phó giáo sư	4	2		6	
3	Tiến sĩ	12	1		13	
4	Thạc sĩ	22		3	25	
5	Cử nhân	0	0	0	0	
TỔNG CỘNG		**40**	**3**	**3**	**46**	

3. Vị trí công tác sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên nhân sự tại các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, đảm nhận các mảng: hoạch định nhân lực, tuyển dụng và thu hút nhân tài, đào tạo và phát triển, lương thưởng và phúc lợi, quan hệ lao động, an toàn sức khỏe nghề nghiệp, hệ thống thông tin và phân tích dữ liệu nhân sự;
- Vị trí quản lý cấp trung như Trưởng nhóm, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng nhân sự, Giám đốc nhân sự tại các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước;
- Nhà nghiên cứu, giảng dạy về quản trị nhân lực trong các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu;
- Tự khởi nghiệp hoặc làm chuyên gia tư vấn nhân sự độc lập.

4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

4a. Triết lý giáo dục và chiến lược dạy - học của ngành đào tạo
Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phương Đông là xây dựng triết lý giáo dục lấy người học làm trung tâm, đề cao vai trò chủ thể trong hành trình khám phá tri thức và phát triển nhân cách. Nhà trường kiến tạo một môi trường học thuật mở, nuôi dưỡng tinh thần tự học, tư duy phản biện, năng lực nghiên cứu và sáng tạo, đồng thời khuyến khích ứng dụng tri thức vào thực tiễn để phục vụ cộng đồng. Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực được thiết kế theo định hướng ứng dụng, lấy người học làm trung tâm, gắn kết lý thuyết với thực tiễn thông qua trải nghiệm, thực hành và thực tập doanh nghiệp.
4b. Mục tiêu của CTĐT
Chương trình đào tạo ngành Quản trị nhân lực nhằm đào tạo người học sau khi tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng nghề nghiệp thành thạo, năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn quản trị và kinh doanh; có khả năng thích ứng, phát triển nghề nghiệp trong môi trường kinh doanh năng động và hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan.

Chương trình được thiết kế theo định hướng ứng dụng, gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn, tăng cường các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm doanh nghiệp và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị nhân lực, giúp người học phát triển năng lực tự học, học tập suốt đời, tư duy đổi mới sáng tạo, kỹ năng khởi nghiệp và khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.	
4c. Chuẩn đầu ra của CTĐT	
Kiến thức:	
PLO 1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, xã hội, pháp luật, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kinh tế, quản trị, thống kê và phương pháp nghiên cứu để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu phục vụ hoạt động quản trị nhân lực, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành.
PLO 2	Vận dụng hiệu quả các kiến thức về quản trị điều hành, marketing, chiến lược, kế toán, tài chính - thuế và thanh toán quốc tế để tối ưu hóa quy trình dòng việc, giải quyết hiệu quả các bài toán quản trị nhân lực thực tế tại các tổ chức và doanh nghiệp.
PLO 3	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào việc xây dựng và vận hành các hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức và doanh nghiệp; tìm hiểu, phân tích, đánh giá và thực thi các hoạt động quản trị nhân lực và ra quyết định hoạch định, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, trả lương thưởng và quan hệ lao động tại các tổ chức và doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát triển công nghệ số và môi trường kinh doanh nhiều biến động.
Kỹ năng:	
PLO 4	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ (tiếng Anh) giao tiếp/chuyên ngành và các nền tảng công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) một cách hiệu quả, an toàn để bảo mật thông tin và triển khai tối ưu các hoạt động quản trị nhân lực theo quy định chung.
PLO 5	Vận dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp thuyết phục, lắng nghe tích cực, thương lượng và hòa giải xung đột để xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa người lao động và người sử dụng lao động trong tổ chức.
PLO 6	Thực hiện các phương pháp phân tích, thống kê dữ liệu nhân lực, tài chính, kế toán, các phần mềm HRM và đối chiếu hệ thống chính sách, quy định pháp luật hiện hành để đưa ra các quyết định quản trị nhân lực chính xác, kịp thời cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc CM 4.0.
PLO 7	Phân tích các thông tin về chính sách, quy định, những thay đổi trong hoạt động quản trị nhân lực như hoạch định, phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá, lương thưởng đãi ngộ, bảo hiểm và quan hệ lao động tới các bộ phận để giải quyết các chế độ chính sách và các mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động.
PLO 8	Đánh giá được thực trạng nhân lực, cơ hội và thách thức cho hoạt động quản trị nhân lực trong tổ chức và doanh nghiệp. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu, mô hình và công cụ công nghệ số để nhận diện và lý giải về các vấn đề trong hoạt động quản trị nhân lực.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm:	

PLO 9	Thể hiện tính chuyên nghiệp và trách nhiệm nghề nghiệp, bao gồm: thực hiện công việc độc lập và theo nhóm; tuân thủ trách nhiệm cá nhân và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; giám sát, hướng dẫn và hỗ trợ đồng nghiệp trong các hoạt động thường ngày.
PLO 10	Thích nghi được trong môi trường đa văn hóa, thời đại công nghệ số và trí tuệ nhân tạo bằng cách: chủ động học tập suốt đời; chủ động phát triển bản thân; chủ động rèn luyện sức khoẻ tinh thần và thể chất để thích nghi và phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh môi trường biến động.

4.d. Những đặc điểm khác của CTĐT

i) Khả năng quốc tế hóa/toàn cầu hóa

- Chương trình đã trang bị cho sinh viên những năng lực để có thể làm việc trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng những yêu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước.

- Sinh viên được học tập với những giảng viên giàu kinh nghiệm, uy tín, là những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Nhà trường và Khoa cũng có những hoạt động trao đổi quốc tế để tạo ra môi trường đa văn hóa, giúp sinh viên dễ dàng hòa nhập vào môi trường nghề nghiệp quốc tế.

ii) Các vấn đề khác

- Chương trình cung cấp cơ hội học tập cho tất cả sinh viên không phân biệt quốc gia, dân tộc, giới tính, tuổi tác và người khuyết tật.

- Các môn học/học phần tự chọn được thiết kế để cung cấp cho người học cơ hội lựa chọn chuyên ngành/chuyên sâu phù hợp với sở thích, năng lực và nhu cầu xã hội.

5. Các chương trình và quy định được tham khảo

5.a. Đối sánh CTĐT với các trường trong và ngoài nước và các quy định phù hợp được tham khảo

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6 - đại học).

- Đối sánh CTĐT với các trường:

+ Trong nước: Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (UEH); Trường Đại học Thương mại (TMU).

+ Nước ngoài: Universiti Teknologi Malaysia (UTM); University of Leicester (Vương quốc Anh).

5b. Điều kiện tốt nghiệp

1. Sinh viên tích lũy đủ 132 tín chỉ theo thiết kế của CTĐT (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh). Cụ thể, điểm bình quân tích lũy toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); có chứng chỉ giáo dục quốc phòng; có điểm đạt môn giáo dục thể chất; và thỏa mãn một số yêu cầu khác của Nhà trường (nếu có).

2. Thang xếp loại tốt nghiệp theo điểm bình quân tích lũy toàn khóa (thang điểm 4):

- Xuất sắc: từ 3.6 đến 4.0
- Giỏi: từ 3.20 đến 3.59
- Khá: từ 2.50 đến 3.19
- Trung bình: từ 2.00 đến 2.49

6. Nội dung và tổ chức thực hiện CTDT

6.a. Cấu trúc và kế hoạch thực hiện CTĐT

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
1	1	MAT710008	Toán kinh tế	3	45	45				BB			
2	1	EDS710003	Phương pháp NCKH	2	30	30				BB			
3	1	FOS710001	Anh văn 1	3	45	30	30			BB			
4	1	MGT722002	Nhập môn ngành quản trị nhân lực	2	30	15	30			BB			
5	2	POL710001	Triết học Mác-Lênin	3	45	45				BB			
6	2	FOS710002	Anh văn 2	3	45	30	30			BB	FOS710001		
7	2	LAW710006	Pháp luật đại cương	2	30	30				BB			
8	2	ITE710001	Kỹ năng số	2	30		60			BB			
9	2	ECO720001	Kinh tế vi mô	3	45	45				BB			
10	2	MGT720001	Quản trị học	3	45	45				BB			
11	3	POL710002	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	30				BB	POL710001		
12	3	FOS710003	Anh văn 3	3	45	30	30			BB	FOS710002		
13	3	ECO720002	Kinh tế vĩ mô	2	30	30				BB			
14	3	BUS721001	Marketing căn bản	3	45	45				BB			
15	3	BUS731002	Quản trị nhân lực	3	45	30				BB			
16	3	SPO760001	Giáo dục thể chất	3						BB			
17	4	MAT710005	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	30	30				BB			
18	4	FOS710004	Anh văn 4	3	45	30	30			BB	FOS710003		
19	4	LAW732001	Pháp luật lao động	2	30	30				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
20	4	MGT732001	Hoạch định và phân tích công việc	3	45	45				BB			
21	4	MGT732009	Thực hành chuyên ngành	3	45	15	60			BB	BUS731002		
22	4	POL710003	Chủ nghĩa XHKH	2	30	30				BB	POL710002		
23	5	FOS710005	Anh văn 5	3	45	30	30			BB	FOS710004		
24	5	BUS710002	Khởi sự kinh doanh	2	60	30				BB			
25	5	BUS721003	Quản trị doanh nghiệp	3	45	45				BB			
26	5	MGT732003	Tuyển dụng và thu hút nhân tài	3	45	45				BB			
27	5	MIL760001	Giáo dục quốc phòng & an ninh	11						BB			
28	6	ITE710002	Khám phá AI	2	30		60			BB			
29	6	POL710004	Tư tưởng HCM	2	30	30				BB			
30	6	BUS731009	Kỹ năng quản trị	3	45	15	60			BB			
31	6	STA712001	Thống kê lao động	3	45	45				BB			
32	6	MGT732004	Đào tạo và phát triển nhân lực	3	45	45				BB			
33	6	FBI721007	Quản trị tài chính	2	30	30				TC			
34	6	MGT731004	Văn bản quản lý	2	30	30				TC			
35	6	JCM731001	Quan hệ công chúng	2	30	30				TC			
36	6	BUS721010	Hành vi tổ chức	2	30	30				TC			
37	7	POL710005	Lịch sử Đảng CSVN	2	30	30				BB			
38	7	MGT712001	Kỹ năng đàm phán và làm việc nhóm	3	45	30				BB			
38	7	ACC732001	Kế toán doanh nghiệp	3	45	45				BB			
40	7	MGT732002	Phân tích dữ liệu nhân lực	3	45	45				BB			
41	7	MGT732005	Đánh giá thực hiện công việc	3	45	45				BB			
42	8	BUS731003	Quản trị chiến lược	3	45	45				BB			
43	8	ACC731008	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	45				BB			
44	8	BUS751003	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45				BB			

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
45	8	MGT732006	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	45	45				BB			
46	8	BUS751004	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	30				BB			
47	8	MGT722006	Thị trường lao động	2	30	30				TC			
48	8	MGT722003	Hệ thống thông tin nhân lực	2	30	30				TC			
49	9	FBI721003	Bảo hiểm	2	30	30				BB			
50	9	BUS721002	Thương mại điện tử	3	45	45				BB			
51	9	ACC731019	Thuế	2	30	30				BB			
52	9	MGT732007	Quan hệ lao động	3	45	45				BB			
53	9	MGT732008	Ứng dụng phần mềm quản trị nhân lực	2	30		60			BB			
54	9	MGT722001	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL	2	30	15	30			TC			
55	9	BUS731001	Quản trị thương hiệu	2	30	30				TC			
56	9	MGT722004	Quản trị nhân lực trong lĩnh vực công	2	30	30				TC			
57	9	MGT722005	Quản trị nhân lực quốc tế	2	30	30				TC			
58	10	MGT752001	Khóa luận tốt nghiệp	10	150				150	BB	MGT732009		
59	10	MGT742001	Chuyên đề tốt nghiệp	4	60				60	BB	MGT732009		
60	10	MGT752002	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	3	45	45				BB			
61	10	MGT752003	Tạo động lực lao động	3	45	45				BB			

6.b. Mô tả vắn tắt nội dung các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1	Triết học Mác-Lênin	3	Triết học Mác – Lênin là một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần gồm 3 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan duy, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức lý luận như: Khái quát sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	Chủ nghĩa XHKH	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của tất cả các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa xã hội khoa học; về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, về vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.
4	Tư tưởng HCM	2	Học phần có kết cấu 6 chương. Chương 1: Trình bày những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung của môn học như khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập. Chương 2: Trình bày cơ sở, quá trình hình thành, phát triển và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 3 đến chương 6: Trình bày một số nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh như: Tư tưởng về độc lập dân tộc và CNXH; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hóa, đạo đức, con người.
5	Lịch sử Đảng CSVN	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những kiến thức về: (i) đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu; (ii) sự ra đời và quá trình lãnh đạo của Đảng từ

			khi thành lập cho đến nay; (iii) tổng kết những thành tựu, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.
6	Toán kinh tế	3	Học phần Toán kinh tế trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các công cụ và phương pháp toán học được sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị và kinh doanh. Nội dung học phần bao gồm các kiến thức về hàm số, giới hạn, đạo hàm, tích phân, hàm nhiều biến, tối ưu hóa và một số mô hình toán học cơ bản phục vụ phân tích các vấn đề kinh tế. Bên cạnh việc cung cấp nền tảng lý thuyết, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng vận dụng các công cụ toán học để mô hình hóa, phân tích, giải quyết các bài toán kinh tế và hỗ trợ ra quyết định trong quản lý và kinh doanh. Thông qua các bài tập và tình huống ứng dụng, người học phát triển tư duy logic, tư duy định lượng và năng lực phân tích, tạo nền tảng cho việc tiếp cận các học phần chuyên ngành và các phương pháp phân tích dữ liệu trong kinh tế.
7	Xác suất và thống kê ứng dụng	2	Học phần trang bị những kiến thức giúp sinh viên có thể giải được những bài toán liên quan đến Lý thuyết xác suất và thống kê toán phát sinh trong cuộc sống nói chung và trong kinh tế, kỹ thuật nói riêng. Đồng thời với những kiến thức được trang bị này sinh viên có thể tiếp thu được các môn học sau này như: Kinh tế lượng, Toán kinh tế, Lý thuyết thống kê, Dự báo kinh tế, Marketing,….Có thể nói, đây là môn học bản lề gắn kết các môn khoa học cơ bản với các môn khoa học, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật và Kinh tế.
8	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	Học phần giúp sinh viên phân tích các khái niệm, đặc trưng, quy trình và thiết kế nghiên cứu khoa học; giải thích căn cứ lựa chọn phương pháp định tính, định lượng hoặc hỗn hợp phù hợp với vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh. Sinh viên được hướng dẫn xây dựng một đề cương nghiên cứu khả thi, sử dụng công cụ số và trí tuệ nhân tạo ở mức cơ bản để tìm kiếm, quản lý tài liệu, xử lý dữ liệu và trình bày kết quả. Học phần đồng thời phát triển tư duy phản biện, năng lực tự học, phối hợp nhóm và trách nhiệm học thuật; yêu cầu người học tuân thủ đạo đức nghiên cứu, bảo mật dữ liệu, trích dẫn nguồn, liêm chính học thuật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng dữ liệu, phần mềm và trí tuệ nhân tạo.
9	Pháp luật đại cương	2	Trang bị khối kiến thức đại cương về Nhà nước và Pháp luật cung cấp cho người học hiểu rõ các vấn đề sau: Sự ra đời, bản chất, đặc điểm, chức năng, các kiểu, các hình thức của Nhà nước và Pháp luật trong lịch sử, để thấy rõ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Nhà nước và Pháp

			luật trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội nhằm thiết lập và duy trì một trật tự xã hội cộng đồng phát triển; trang bị kiến thức đại cương về một số ngành luật quan trọng trong Hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp; Luật hành chính Việt Nam; Luật Hình sự và tố tụng hình sự; Luật Dân sự và Tố tụng dân sự.... Phân tích các quy phạm pháp luật, hệ thống pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý. Trên cơ sở đó khẳng định pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để Nhà nước quản lý mọi mặt đời sống xã hội, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân và tổ chức.
10	Anh văn 1	3	Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh nền tảng về ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp trong các chủ đề giao tiếp quen thuộc. Học phần bước đầu hình thành và phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó chú trọng khả năng nghe hiểu và thực hiện các hội thoại đơn giản. Sinh viên được rèn luyện cách giới thiệu bản thân, trao đổi thông tin cá nhân, mô tả con người, sự vật, hoạt động thường ngày và các tình huống giao tiếp cơ bản. Qua đó, người học hình thành ý thức tự học, sự tự tin và thái độ tích cực trong quá trình sử dụng tiếng Anh.
11	Anh văn 2	3	Học phần Tiếng Anh 2 củng cố và mở rộng kiến thức từ vựng, ngữ pháp và các chức năng ngôn ngữ đã được trang bị trong học phần Tiếng Anh 1. Nội dung học phần tập trung phát triển khả năng giao tiếp trong các tình huống liên quan đến học tập, công việc, mua sắm, du lịch, sức khỏe và đời sống xã hội. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghe để xác định thông tin chính, đọc hiểu các văn bản ngắn, trao đổi ý kiến và viết các đoạn văn có cấu trúc rõ ràng. Học phần góp phần nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh chính xác, phù hợp với ngữ cảnh và phát triển năng lực học tập độc lập.
12	Anh văn 3	3	Học phần Tiếng Anh 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp trong các tình huống học tập, xã hội và nghề nghiệp thông thường. Học phần chú trọng phát triển khả năng nghe hiểu nội dung chính và thông tin chi tiết, trình bày quan điểm, thảo luận nhóm, đọc hiểu các văn bản có độ dài và mức độ phức tạp phù hợp. Sinh viên được hướng dẫn viết thư, thư điện tử, đoạn văn và bài viết ngắn theo các mục đích giao tiếp khác nhau. Qua học phần, người học từng bước nâng cao khả năng tư duy, phản xạ và vận dụng tiếng Anh để giải quyết các nhiệm vụ giao tiếp thực tiễn.

13	Anh văn 4	3	Học phần Tiếng Anh 4 tiếp tục phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp, hướng đến môi trường học thuật và công việc. Sinh viên được mở rộng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và cách diễn đạt liên quan đến kinh tế, kinh doanh, công nghệ, môi trường, văn hóa và các vấn đề xã hội. Học phần rèn luyện kỹ năng nghe và đọc để phân tích, tổng hợp thông tin; kỹ năng nói để thảo luận, thuyết trình và bảo vệ quan điểm; kỹ năng viết để trình bày nội dung có tính liên kết và logic. Đồng thời, sinh viên được nâng cao khả năng hợp tác, tự học và sử dụng các nguồn học liệu tiếng Anh một cách phù hợp.
14	Anh văn 5	3	Học phần Tiếng Anh 5 hoàn thiện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của sinh viên trong học tập, giao tiếp và môi trường nghề nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào việc vận dụng tổng hợp bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để xử lý các tình huống giao tiếp có mức độ phức tạp cao hơn. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc và khai thác tài liệu, viết thư điện tử và văn bản phục vụ công việc, tham gia phỏng vấn, thuyết trình, trao đổi và phản biện bằng tiếng Anh. Học phần góp phần hình thành khả năng sử dụng tiếng Anh chủ động, có trách nhiệm, phù hợp với bối cảnh hội nhập và yêu cầu của thị trường lao động.
15	Kỹ năng số	2	Môn học này bao gồm 6 Moduls Moduls 1: Khai thác dữ liệu và thông tin Hướng dẫn sinh viên kỹ năng duyệt, tìm kiếm và trích xuất dữ liệu, hướng dẫn sinh viên thiết lập quy trình sao lưu, áp dụng các phương pháp bảo mật dữ liệu và chia sẻ dữ liệu an toàn. Moduls 2: Giao tiếp và hợp tác trong môi trường số Hướng dẫn sinh viên các hợp tác và làm việc trong môi trường số. Hiểu và áp dụng các nguyên tắc ứng xử trên mạng, quản lý danh tính số và sử dụng các dịch vụ công một cách hiệu quả. Moduls 3: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh: Giới thiệu các khái niệm cơ bản về AI, hướng dẫn sinh viên thực hiện viết Prompt và sử dụng các công cụ AI tạo sinh để xây dựng các sản phẩm số. Đánh giá và nhận dạng các vấn đề về quyền riêng tư, đạo đức và bản quyền khi sử dụng các công cụ AI. Module 4: sáng tao nội dung sô. Hướng dan sinh viên cách xác định mục tiêu của nội dung số và lập kế hoạch xây dựng nội dung số. Áp dụng các công cụ để viết nội dung, kịch bản và thiết kế, xây dựng các sản phẩm s6. Trong quá trình xây dựng sản phẩm số, sinh viên xác định được các thành phần có bản quyền và áp dụng các giấy phép bản quyền phù hợp. Module 5: giải quyết van dé. Hướng dẫn sinh viên cách xác định các lỗi về phần cứng. phần mềm: khả năng tự tìm hiểu và chọn lựa nền tảng học tập, tìm

			kiếm tài liệu trực tuyến. Hướng dẫn cách sử dụng các công cụ số để phân tích dữ liệu, mô hình hóa định lượng cũng như trình bày nội dung học thuật một cách chuyên nghiệp. Module 6: an toàn trên môi trường số. Hướng dẫn cho sinh viên các nguy cơ khi sử dụng mạng Internet, các loại hình tấn công dữ liệu cá nhân và các biện pháp bảo vệ. Hướng dẫn cách bảo vệ sức khỏe khi sử dụng các thiết bị điện tử cũng như bảo vệ môi trường khỏi tác động của công nghệ SỐ.
16	Khám phá AI	2	Học phần Khám phá AI trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), vai trò và xu hướng phát triển của AI trong bối cảnh chuyển đổi số. Nội dung học phần giới thiệu các khái niệm cơ bản, nguyên lý hoạt động, các lĩnh vực ứng dụng phổ biến của AI trong học tập, kinh doanh và đời sống, đồng thời hướng dẫn người học khai thác hiệu quả các công cụ AI hỗ trợ tìm kiếm thông tin, sáng tạo nội dung, phân tích dữ liệu và nâng cao năng suất làm việc. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận diện các vấn đề liên quan đến đạo đức, quyền riêng tư, bảo mật dữ liệu và sử dụng AI có trách nhiệm. Thông qua các hoạt động trải nghiệm và thực hành với các công cụ AI hiện đại, người học hình thành tư duy ứng dụng AI, phát triển năng lực tự học, giải quyết vấn đề và thích ứng với môi trường làm việc trong kỷ nguyên số.
17	Kỹ năng đàm phán và làm việc nhóm	2	Học phần Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bản chất, quy trình, chiến lược và kỹ thuật đàm phán trong môi trường kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đàm phán, xây dựng mục tiêu và phương án đàm phán, kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, lắng nghe, xử lý xung đột và ra quyết định nhằm đạt được thỏa thuận hiệu quả. Đồng thời, học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng chuẩn bị, tổ chức và thực hành đàm phán trong các tình huống như đàm phán với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp và nội bộ doanh nghiệp. Thông qua các hoạt động mô phỏng, thảo luận tình huống và làm việc nhóm, người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng thích ứng và tác phong chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu của môi trường kinh doanh hiện đại.
18	Khởi sự kinh doanh	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khởi sự kinh doanh, từ nhận diện cơ hội kinh doanh, hình thành ý tưởng khởi nghiệp đến xây dựng mô hình và kế hoạch kinh doanh. Nội dung học phần tập trung vào các phương pháp phát triển ý tưởng sáng

			tạo, nghiên cứu thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh, huy động nguồn lực và quản trị rủi ro trong giai đoạn khởi nghiệp. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thuyết trình và bảo vệ dự án khởi nghiệp. Học phần góp phần hình thành tư duy doanh nhân, tinh thần đổi mới sáng tạo và năng lực phát triển các dự án kinh doanh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế.
	Giáo dục quốc phòng & an ninh	11	Trang bị những vấn đề về tư duy, lý luận trong đường lối quân sự của Đảng, những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về đường lối quân sự Việt Nam, về diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam. Thực hành rèn luyện một số kỹ năng cần thiết, rèn luyện tác phong nếp sống có kỷ luật, góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo toàn diện của nhà trường.
	Giáo dục thể chất	3	Góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật biết tập luyện các môn thể thao để có thể chất khoẻ mạnh, đáp ứng được yêu cầu chuyên môn nghề nghiệp, phục vụ tốt cho mục tiêu lao động và sản xuất trong thực tế.
19	Kinh tế vi mô	3	Học phần Kinh tế vi mô giới thiệu các nội dung cơ bản về cung, cầu và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp; lý thuyết sản xuất và chi phí; cấu trúc thị trường và các mô hình cạnh tranh, độc quyền; thị trường các yếu tố sản xuất; thất bại của thị trường và vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến việc phân tích các tình huống kinh tế và các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của doanh nghiệp và thị trường.
20	Kinh tế vĩ mô	2	Kinh tế vĩ mô là học phần nghiên cứu tổng thể nền kinh tế thông qua các biến số cơ bản như sản lượng, thu nhập, đầu tư, tiền tệ, lãi suất, lạm phát, thất nghiệp, thuế và chi tiêu của chính phủ, xuất nhập khẩu và cán cân thương mại,... Mối quan hệ của các biến số này được mô tả thông qua các mô hình kinh tế vĩ mô như mô hình tổng cung – tổng cầu (AS-AD), mô hình IS-LM trong nền kinh tế. Trên cơ sở đó, sinh viên có đủ kiến thức để nắm được các thức vận hành của nền kinh tế, các biến động của nền kinh tế trong ngắn hạn và cách thức chính phủ sử dụng chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

21	Marketing căn bản	3	Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về marketing hiện đại, bao gồm bản chất, vai trò và chức năng của marketing trong doanh nghiệp; môi trường marketing; hành vi khách hàng; nghiên cứu thị trường; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị; cùng các chính sách marketing hỗn hợp (4P/7P). Học phần giúp sinh viên vận dụng các nguyên lý và công cụ marketing để phân tích thị trường, xây dựng các giải pháp marketing cơ bản và hỗ trợ ra quyết định trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, sinh viên được tiếp cận và ứng dụng các công cụ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong nghiên cứu thị trường, phân tích dữ liệu, xây dựng nội dung marketing và phát triển ý tưởng sáng tạo, trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc đạo đức, bảo mật thông tin.
22	Quản trị học	3	Quản trị học là môn học thuộc lĩnh vực quản trị dành cho sinh viên các ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, được phổ biến rộng rãi trong chương trình giảng dạy trong các trường đại học kinh tế và kinh doanh ở các nước trên thế giới và trong nước. Học phần bao gồm các khái niệm, định nghĩa, bản chất và đặc trưng cơ bản của hoạt động quản trị, các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết (trường phái) quản trị khác nhau cả cổ điển và hiện đại. Phần lớn thời gian và trọng tâm của chương trình dành để đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu các chức năng của quản trị như: hoạch định; tổ chức; lãnh đạo điều hành và kiểm tra, kiểm soát. Ngoài ra chương trình cũng cung cấp một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.
23	Thống kê lao động	3	Học phần bao gồm các nội dung chính sau: Những vấn đề chung về Thống kê lao động; Thống kê thị trường lao động; Thống kê số lượng lao động trong doanh nghiệp; Thống kê sử dụng thời gian lao động trong doanh nghiệp; Thống kê năng suất lao động trong doanh nghiệp; Thống kê thu nhập của lao động trong doanh nghiệp; Thống kê an toàn vệ sinh lao động trong doanh nghiệp.
24	Kế toán doanh nghiệp	3	Học phần Kế toán doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ phát triển năng lực nhằm hình thành toàn diện kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được trang bị nền tảng về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vai trò của kế toán trong quản lý, nguyên tắc tổ chức công

			tác kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và quy trình xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần tập trung phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp thông qua việc vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các phần hành chủ yếu như kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tiêu thụ hàng hóa dịch vụ, hoạt động tài chính, nguồn vốn, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện khả năng kiểm tra, phân tích và đánh giá thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý và ra quyết định trong doanh nghiệp. Ở cấp độ mở rộng, học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận xu hướng phát triển của nghề kế toán trong bối cảnh chuyển đổi số thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kế toán, hệ thống thông tin kế toán, công cụ phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý nghiệp vụ, kiểm soát thông tin và nâng cao hiệu quả công tác kế toán. Qua đó, sinh viên phát triển tư duy phân tích, tư duy phản biện, năng lực tự học, khả năng cải tiến hệ thống kế toán và thích ứng với sự thay đổi của môi trường nghề nghiệp. Đây là nền tảng giúp người học tự tin đảm nhận các vị trí kế toán chuyên môn, kiểm soát nội bộ, kế toán quản trị hoặc tiếp tục phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính.
25	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần Quản trị doanh nghiệp được cấu trúc khoa học theo ba cấp độ tịnh tiến nhằm phát triển toàn diện năng lực người học. Ở cấp độ kiến thức cơ bản, sinh viên được chuẩn hóa nền tảng lý thuyết về tổng quan doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, quy trình vận hành và các chức năng quản trị cốt lõi: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Ở cấp độ nâng cao, nội dung học phần đi sâu vào năng lực điều hành thực chiến thông qua việc vận dụng kỹ năng của doanh nhân, tối ưu hóa chuỗi giá trị, quản trị tài chính, nhân sự, công nghệ và xử lý khủng hoảng trong môi trường kinh doanh biến động. Ở cấp độ mở rộng, môn học tạo không gian cho sinh viên bứt phá năng lực riêng biệt bằng cách tiếp cận các mô hình quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo, quản trị tri thức và trách nhiệm xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là bệ phóng giúp người học định hình phong cách lãnh đạo độc lập và làm chủ các quyết định quản lý phức tạp.

26	Quản trị chiến lược	3	Học phần Quản trị chiến lược cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về quản trị chiến lược; phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài và nội bộ doanh nghiệp; xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu chiến lược; hoạch định, lựa chọn và triển khai các phương án chiến lược ở các cấp độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Bên cạnh đó, học phần giúp người học vận dụng các mô hình và công cụ phân tích chiến lược để giải quyết các vấn đề thực tiễn, nâng cao năng lực tư duy chiến lược và ra quyết định trong quản trị doanh nghiệp
27	Nhập môn ngành quản trị nhân lực		Học phần Nhập môn ngành quản trị nhân lực cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về ngành Quản trị nhân lực, giúp người học hiểu được bản chất, vai trò và xu hướng phát triển của hoạt động quản trị con người trong tổ chức, doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: (1) tổng quan về ngành Quản trị nhân lực, khái niệm, lịch sử phát triển, mục tiêu và chức năng của quản trị nhân lực, cấu trúc tổ chức của phòng nhân sự cũng như môi trường và xu hướng phát triển của ngành; (2) các vị trí việc làm trong mảng quản trị nhân lực như tuyển dụng, hoạch định nhân sự, lương thưởng và phúc lợi, quan hệ lao động, an toàn sức khỏe và an ninh, hệ thống thông tin và phân tích dữ liệu nhân sự, cùng các vị trí trong mảng phát triển nhân lực như đào tạo và phát triển, phát triển tổ chức, phát triển đội ngũ lãnh đạo và kế nhiệm, quản lý hiệu quả công việc; (3) lộ trình phát triển nghề nghiệp trong ngành quản trị nhân sự, cơ hội phát triển bên trong và bên ngoài tổ chức; (4) khung năng lực của ngành quản trị nhân sự, bao gồm năng lực lãnh đạo, năng lực chuyên môn, năng lực cốt lõi và yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đối với người làm nhân sự ở các lĩnh vực khác nhau; (5) khung chương trình đào tạo của chuyên ngành, các quy định và hỗ trợ dành cho sinh viên, kỹ năng lập kế hoạch học tập cá nhân và tìm hiểu quy trình tuyển dụng của doanh nghiệp. Thông qua các hoạt động học tập, thảo luận tình huống, trao đổi với chuyên gia và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, học phần giúp sinh viên hình thành nhận thức đúng đắn về ngành học, định hướng phát triển nghề nghiệp và chuẩn bị nền tảng để tiếp cận các học phần chuyên ngành.
28	Quản trị nhân lực	3	Môn học Quản trị nhân lực tập trung trang bị cho người học hệ thống lý thuyết và kỹ năng thực hành toàn diện về quy trình quản lý con người trong tổ chức. Nội dung cốt lõi của môn học

			xoay quanh các nghiệp vụ trọng yếu bao gồm hoạch định nhu cầu, tuyển dụng, đào tạo, phát triển và đánh giá hiệu suất làm việc của nhân viên. Bên cạnh đó, người học cũng được tiếp cận các kiến thức về xây dựng hệ thống lương thưởng, chế độ phúc lợi và duy trì quan hệ lao động hài hòa. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa các quyết định nhân sự chiến lược. Mục tiêu là giúp sinh viên hình thành tư duy quản trị hiện đại, biết cách khai thác tối đa tiềm năng của đội ngũ lao động để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
29	Thuế	2	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về thuế và công tác quản lý thuế. Tìm hiểu các qui trình thủ tục liên quan đến công tác đăng ký, kê khai, tính, nộp và hoàn các loại thuế bao gồm: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam. Trong bối cảnh chuyển đổi số, môn học còn tích hợp xu hướng phân tích dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm tối ưu hóa các quyết định chi phí Thuế chiến lược. Mục tiêu là giúp sinh viên hình thành tư duy quản trị hiện đại, biết cách khai thác và xử lý thông tin kinh tế của doanh nghiệp để gia tăng lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.
30	Kỹ năng quản trị	3	Kỹ năng quản trị là môn học mang tính thực hành, là cầu nối giữa các môn học có tính lý thuyết và môn học kỹ năng sâu về từng mảng hoạt động quản trị kinh doanh cụ thể. Môn học kỹ năng quản trị được thiết kế theo phương pháp tương tác. Người học được phát triển các kỹ năng quản trị hiệu quả như kiến thức về nhà quản trị, nghề quản trị, kiến thức quản lý bản thân, quản lý thời gian, kiến thức tư duy sáng tạo, quản trị stress, xây dựng thương hiệu cá nhân, quản trị xung đột, tạo động lực làm việc và thông qua các hoạt động học tập hiện đại như: thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành phỏng vấn, thực hành đóng vai điều hành cuộc họp như các nhà quản lý tại doanh nghiệp, thực hành bán hàng, thực hành nghiên cứu thị trường, sử dụng các phần mềm quản trị nhân lực (HRM), phần mềm quản trị doanh nghiệp (ERP), phần mềm bán hàng (CRM)…, ứng dụng các mạng xã hội vào quản trị điều hành thực tế trong doanh nghiệp hiện nay.

31	Pháp luật lao động	2	Pháp luật lao động là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Học phần trang bị cho sinh viên các vấn đề pháp lý cụ thể về luật lao động như: khái quát chung về luật lao động, quan hệ pháp luật lao động, việc làm và học nghề, hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc - thương lượng tập thể - thoả ước lao động tập thể, tiền lương, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất, an toàn lao động - vệ sinh lao động, tranh chấp lao động và đình công. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu xu hướng chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản trị nhân sự và quan hệ lao động hiện đại, cũng như vai trò của trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) và các tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) trong xây dựng chính sách tiền lương, phúc lợi và bảo đảm an toàn, sức khỏe người lao động, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập.
32	Hoạch định và phân tích công việc	3	Môn học Hoạch định và phân tích công việc trang bị hệ thống kiến thức và kỹ năng thực hành về hai nhóm nghiệp vụ trọng yếu trong quản trị nguồn nhân lực. Phần Hoạch định nhân lực bao gồm: phân tích môi trường, dự báo nhu cầu và cung ứng nhân lực, phân tích khoảng cách cung - cầu, xây dựng định mức lao động, lập kế hoạch nhân lực tổng thể và chi tiết. Phần Phân tích và thiết kế công việc bao gồm: quy trình và các phương pháp phân tích công việc; xây dựng bản mô tả công việc (JD), bản tiêu chuẩn công việc (JS), hồ sơ năng lực, KPI vị trí và ma trận kỹ năng; thiết kế và tái thiết kế công việc. Xuyên suốt môn học, CSR, ESG và các SDGs được tích hợp vào hoạch định nhân lực và thiết kế công việc. Môn học tích hợp ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu lao động và tự động hóa xây dựng hồ sơ công việc..
33	Phân tích dữ liệu nhân lực	3	Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về thu thập, quản lý, xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu nhân lực nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định trong quản trị nguồn nhân lực. Nội dung học phần bao gồm tổng quan về phân tích dữ liệu nhân lực, các chỉ số nhân sự (HR Metrics), phương pháp phân tích dữ liệu trong tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả thực hiện công việc, quản lý hiệu suất, duy trì nhân viên và hoạch định nguồn nhân lực. Đồng thời, học phần giới thiệu các công cụ phân tích dữ liệu, xây dựng báo cáo và bảng điều khiển (dashboard), cũng như xu hướng ứng dụng People Analytics, Big Data và trí tuệ nhân tạo (AI)

			trong quản trị nhân lực. Qua học phần, người học có khả năng khai thác dữ liệu để đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.
34	Tuyển dụng và thu hút nhân tài	3	Học phần Tuyển dụng và thu hút nhân tài cung cấp cho người học những nội dung cốt lõi về hoạt động tuyển dụng nhân lực và thu hút nhân tài trong tổ chức/doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự logic từ nhận thức đến thực hành. Nội dung học phần bắt đầu từ những vấn đề tổng quan như khái niệm, vai trò của tuyển dụng nhân lực, mối quan hệ giữa tuyển dụng với các nội dung khác của quản trị nhân lực và các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển dụng, thu hút nhân tài; tiếp đến là cách thức xây dựng kế hoạch tuyển dụng (xác định nhu cầu, mục tiêu, chính sách, kế hoạch chi tiết) gắn với chiến lược xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng nhằm thu hút nhân tài. Học phần đi sâu vào kỹ năng tuyển mộ (xác định và tiếp cận nguồn, thiết kế và triển khai thông báo tuyển dụng) và tuyển chọn nhân lực (thu nhận, xử lý hồ sơ, thi tuyển, phỏng vấn, ra quyết định tuyển dụng, hội nhập nhân lực mới), đồng thời giới thiệu các chiến lược chiêu mộ và giữ chân nhân tài trong bối cảnh cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao. Cuối cùng, học phần trang bị kiến thức và kỹ năng xác định chỉ tiêu, đo lường kết quả và điều chỉnh hoạt động tuyển dụng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển dụng và thu hút nhân tài của tổ chức. Xuyên suốt học phần, người học được thực hành ứng dụng công nghệ, các nền tảng tuyển dụng trực tuyến, trí tuệ nhân tạo (AI) và rèn luyện các kỹ năng mềm (giao tiếp, phỏng vấn, thuyết trình, làm việc nhóm, tư duy phản biện) thông qua các bài tập nhóm, nghiên cứu tình huống, đóng vai và bài tập lớn.
35	Đào tạo và phát triển nhân lực	3	Học phần Đào tạo và phát triển nhân lực cung cấp cho người học những nội dung cốt lõi về hoạt động đào tạo và phát triển nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự logic của một chu trình đào tạo khép kín. Nội dung học phần bắt đầu từ những vấn đề tổng quan như khái niệm, vai trò, hình thức, phương pháp và quy trình đào tạo và phát triển nhân lực; tiếp đến là căn cứ, nội dung và phương pháp xác định nhu cầu đào tạo thông qua phân tích tổ chức, phân tích công việc và phân tích nhân lực; sau đó là cách thức xây dựng kế hoạch tổng thể, chính sách, chương trình và ngân sách đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Học phần tiếp tục trang bị kiến thức về tổ chức triển khai đào tạo, bao gồm lựa chọn đối tác, truyền thông, chuẩn bị cơ sở vật chất cùng việc ứng dụng công nghệ,

			phần mềm trong quản lý và tổ chức đào tạo. Cuối cùng, học phần trang bị phương pháp đánh giá kết quả đào tạo và hiệu quả công việc sau đào tạo, đồng thời phân tích xu hướng đào tạo và phát triển nhân lực trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 gắn với mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp. Xuyên suốt học phần, người học được thực hành ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và rèn luyện các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, tư duy phản biện) thông qua các bài tập nhóm, thảo luận tình huống và bài tập lớn.
36	Đánh giá thực hiện công việc	3	Học phần Đánh giá thực hiện công việc cung cấp cho người học những nội dung cốt lõi về hoạt động đánh giá thực hiện công việc trong tổ chức/doanh nghiệp, được trình bày theo trình tự logic từ nhận thức đến thực hành. Nội dung học phần bắt đầu từ những vấn đề tổng quan như khái niệm, vị trí, vai trò, nội dung đánh giá thực hiện công việc và các yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến đánh giá thực hiện công việc; tiếp đến là cách thức thiết kế hệ thống đánh giá, bao gồm xác định mục tiêu, chu kỳ, tiêu chuẩn, phương pháp, chủ thể, đối tượng tham gia đánh giá và xây dựng quy chế đánh giá thực hiện công việc. Học phần đi sâu vào việc phân loại và xác định tiêu chuẩn đánh giá thực hiện công việc ở cấp tổ chức/doanh nghiệp, cấp bộ phận và cấp cá nhân, đồng thời giới thiệu các phương pháp đánh giá phổ biến (phương pháp thang điểm, nhật ký công việc, quản trị theo mục tiêu - MBO, quản trị theo quá trình - MBP, 360 độ, xếp hạng luân phiên, so sánh cặp) cùng các căn cứ lựa chọn phương pháp đánh giá phù hợp. Cuối cùng, học phần trang bị kiến thức và kỹ năng triển khai đánh giá thực hiện công việc (truyền thông, đào tạo, tiến hành, phản hồi đánh giá, phòng tránh các sai lầm thường gặp) và sử dụng kết quả đánh giá trong đãi ngộ nhân lực, đào tạo và phát triển nhân lực, bố trí và sử dụng nhân lực cùng các hoạt động quản trị nhân lực khác. Xuyên suốt học phần, người học được thực hành ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và rèn luyện các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, thuyết trình, giao tiếp, phỏng vấn, tư duy phản biện) thông qua các bài tập nhóm, nghiên cứu tình huống, đóng vai và bài tập lớn.
37	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	Học phần Quản trị tiền lương và phúc lợi cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về bản chất, vai trò, nguyên tắc và các nội dung chủ yếu của quản trị tiền lương, tiền công và phúc lợi trong doanh nghiệp; khung pháp lý về tiền lương, bảo hiểm và thuế thu nhập cá nhân; đánh giá giá trị công việc, khảo sát tiền lương thị trường và xây dựng hệ thống

			thang, bảng lương. Học phần giới thiệu các hình thức và phương pháp trả lương phổ biến như trả lương theo thời gian, sản phẩm, KPI và mô hình 3P; quản trị phúc lợi bắt buộc, phúc lợi tự nguyện và các hình thức đãi ngộ phi tài chính nhằm tạo động lực và duy trì nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, học phần cập nhật xu hướng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phân tích dữ liệu, khảo sát thị trường và hỗ trợ ra quyết định về tiền lương, phúc lợi. Sinh viên được vận dụng kiến thức và công cụ đã học để phân tích thực trạng, thiết kế và đề xuất chính sách đãi ngộ tổng thể, công bằng, minh bạch và bền vững, phù hợp với chiến lược kinh doanh, chiến lược nhân sự của tổ chức và gắn với trách nhiệm xã hội (CSR), các tiêu chí ESG và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).
38	Quan hệ lao động	3	Học phần Quan hệ lao động trang bị cho người học những kiến thức hệ thống về bản chất, nguyên tắc và cơ chế vận hành mối quan hệ giữa người lao động, người sử dụng lao động cùng các tổ chức đại diện dưới sự quản lý của Nhà nước. Nội dung môn học tập trung vào các vấn đề cốt lõi như hợp đồng lao động, đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tìm hiểu các quy định về tiền lương, điều kiện làm việc, kỷ luật lao động và quy trình giải quyết tranh chấp, đình công. Qua đó, học phần giúp người học phát triển kỹ năng đàm phán, giải quyết xung đột và năng lực xây dựng môi trường làm việc hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.
39	Ứng dụng phần mềm quản trị nhân lực	2	Học phần Ứng dụng phần mềm quản trị nhân lực trang bị cho sinh viên ngành Quản trị nhân lực kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực tại doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: tổng quan về phần mềm quản trị nhân lực (HRM software), đặc điểm và các phân hệ chức năng chính; khảo sát một số phần mềm HRM phổ biến tại Việt Nam và quốc tế (MISA HRM, HR One, SAP HRM); hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ trên phần mềm gồm: quản lý cơ cấu tổ chức và hồ sơ nhân viên, quản lý tuyển dụng, hợp đồng lao động, chấm công – nghỉ phép, tính lương và phúc lợi, quản lý đào tạo và phát triển. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên khai thác các tính năng lập báo cáo, phân tích dữ liệu nhân sự và xu hướng chuyển đổi số trong quản trị nhân lực. Học phần được thiết kế theo 3 cấp độ: kiến thức cơ bản về HRM software, thực hành nâng cao trên phần mềm thực tế và mở rộng năng lực phân tích – ra quyết định nhân sự dựa trên dữ liệu số.

40	Thực hành chuyên ngành	3	Học phần thực hành chuyên ngành Quản trị Nhân lực cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức thực tiễn thông qua việc trực tiếp tham gia và giải quyết các bài toán nhân sự thực tế tại doanh nghiệp. Nội dung học phần tập trung vào các mảng hoạt động cốt lõi bao gồm hoạch đinh, phân tích, mô tả công việc, triển khai quy trình tuyển dụng, thiết kế khung năng lực, xây dựng chương trình đào tạo và đánh giá hiệu suất làm việc KPIs/OKRs. Sinh viên cũng được hướng dẫn thực hành các nghiệp vụ về quan hệ lao động, soạn thảo hợp đồng, giải quyết tranh chấp và tính toán chế độ chính sách, tiền lương, bảo hiểm xã hội. Bên cạnh đó, học phần tích hợp việc khai thác các phần mềm quản trị nhân sự HRM, HRIS và phân tích dữ liệu nhân sự cơ bản nhằm tối ưu hóa quy trình vận hành. Qua các bài tập tình huống và dự án mô phỏng, người học nắm vững quy trình làm việc tiêu chuẩn và làm quen với môi trường công sở hiện đại. Kết thúc học phần, sinh viên chủ động hệ thống hóa toàn bộ nội dung đã thực thực hiện thông qua báo cáo thu hoạch và sản phẩm chuyên môn hoàn chỉnh.
41	Bảo hiểm	2	Học phần Bảo hiểm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về bản chất, chức năng, vai trò và nguyên tắc hoạt động của bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường. Nội dung học phần bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, hợp đồng bảo hiểm và các nghiệp vụ bảo hiểm phổ biến như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm vật chất xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm tiền gửi và bảo hiểm con người. Bên cạnh việc nghiên cứu các quy định pháp luật, phương pháp xác định phí bảo hiểm, giám định và bồi thường tổn thất, học phần còn rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích rủi ro, xử lý tình huống và lựa chọn giải pháp bảo hiểm phù hợp trong hoạt động quản trị, tài chính và kinh doanh. Qua đó, sinh viên hình thành tư duy quản trị rủi ro, nâng cao năng lực vận dụng kiến thức bảo hiểm vào thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự phát triển của thị trường bảo hiểm trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số..
42	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, bao gồm các phương pháp, kỹ thuật và quy trình phân tích các chỉ tiêu phản ánh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý, phân tích và trình bày thông tin; vận dụng các công cụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) và phần mềm hỗ trợ để phân tích dữ liệu, đánh giá tình hình hoạt động, xác định

			nguyên nhân biến động và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, góp phần hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị.
43	Quản trị chuỗi cung ứng	3	Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, thuật ngữ, nguyên lý và phương pháp tiếp cận hiện đại trong lĩnh vực này. Nội dung học phần tập trung vào việc nghiên cứu các hoạt động cốt lõi của chuỗi cung ứng như hoạch định, cung ứng và thu mua, sản xuất, phân phối, cũng như vai trò của logistics trong việc tối ưu hóa dòng chảy hàng hóa, thông tin và dòng tiền xuyên suốt chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, học phần cung cấp các công cụ và phương pháp đo lường, đánh giá hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng thông qua hệ thống các chỉ số hiệu suất then chốt, đồng thời hướng dẫn xây dựng và vận hành các mô hình chuỗi cung ứng đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong bối cảnh kinh tế số và hội nhập quốc tế. Thông qua quá trình học tập, người học không chỉ nắm vững cơ sở lý luận và tư duy hệ thống về quản trị chuỗi cung ứng mà còn phát triển năng lực phân tích, hoạch định và ra quyết định trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học phần giúp người học nhận thức rõ quản trị chuỗi cung ứng như một lĩnh vực chuyên môn mang tính chiến lược, có vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị doanh nghiệp và tạo lập lợi thế bền vững trên thị trường toàn cầu. Đồng thời, người học được trang bị khả năng vận dụng các công nghệ số và công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động quản trị chuỗi cung ứng nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, tối ưu hóa nguồn lực và hỗ trợ quá trình ra quyết định. Đây là nền tảng quan trọng để sinh viên tự tin đảm nhận các vị trí quản lý trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng hoặc phát triển các dự án khởi nghiệp trong tương lai.
44	Thương mại điện tử	3	Học phần Thương mại điện tử giới thiệu các nội dung cơ bản về thương mại điện tử, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò và xu hướng phát triển; hạ tầng công nghệ, an toàn và an ninh trong thương mại điện tử; các phương thức thanh toán và hợp đồng điện tử; các mô hình kinh doanh thương mại điện tử; chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; quy trình xây dựng, quản trị và vận hành website thương mại điện tử; các hoạt động marketing điện tử và một số vấn đề pháp lý liên quan đến thương mại điện tử trong bối cảnh chuyển đổi số.

45	Quản trị tài chính	2	Học phần mô tả những kiến thức lý thuyết cơ bản như khái niệm, nhiệm vụ, vai trò của quản trị tài chính; Đánh giá dòng tiền tương lai; Các quyết định lập ngân sách vốn đầu tư; Cơ cấu vốn và chính sách cổ tức; Tài trợ vốn dài hạn; Tài trợ vốn ngắn hạn và một số chủ đề khác như rủi ro tài chính, mua lại và sát nhập doanh nghiệp, tài chính doanh nghiệp quốc tế.
46	Văn bản quản lý	2	Học phần này hệ thống hoá và cập nhật kiến thức về: Văn bản quản lý, phân biệt các loại văn bản: văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính cá biệt, văn bản hành chính thông thường, hiểu và vận dụng được các yêu cầu về từng nhóm văn bản, nắm được cách thức soạn thảo văn bản; hình thành kỹ năng khai thác và sử dụng các loại văn bản quản lý.
47	Quan hệ công chúng	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về Quan hệ công chúng (PR), việc nghiên cứu, xây dựng, thực hiện và đánh giá các chiến dịch quan hệ công chúng. Học phần giới thiệu vai trò, mối quan hệ giữa truyền thông & quan hệ công chúng cũng như các công cụ tác nghiệp, phương pháp tiếp cận giới truyền thông. Đồng thời, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về PR nội bộ và vai trò, tiến trình quan hệ cộng đồng.
48	Hành vi tổ chức	2	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hành vi của cá nhân, nhóm trong tổ chức và ứng dụng của hành vi tổ chức trong thực tiễn quản trị nguồn nhân lực. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức để phân tích toàn diện các vấn đề về con người trong tổ chức và các yếu tố khác gây ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân và nhóm trong tổ chức, đưa ra được những kiến nghị hành động và các chính sách nhân sự dựa trên những bằng chứng xác thực.
49	Văn hóa doanh nghiệp	2	Học phần Văn hóa doanh nghiệp được cấu trúc thành 5 chương, cung cấp cho sinh viên một bức tranh toàn diện về văn hóa tổ chức: từ nền tảng lý luận đến ứng dụng thực tiễn. Chương 1 giới thiệu tổng quan về văn hóa và văn hóa doanh nghiệp, bao gồm khái niệm, các cấp độ biểu hiện, vai trò và các nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp. Chương 2 hệ thống hóa các loại hình văn hóa doanh nghiệp theo nhiều cách phân loại khác nhau - theo phân cấp quyền lực, theo cơ cấu và định hướng con người/nhiệm vụ, theo vai trò lãnh đạo và theo lý thuyết khung giá trị cạnh tranh - kết hợp phân tích các điển hình thực tế trong và ngoài nước. Chương 3 tập trung vào quy trình xây dựng và thay đổi văn hóa doanh nghiệp, bao gồm các điều kiện, bước thực hiện, cách thức tiến hành và quản lý sự thay đổi. Chương 4 làm rõ mối quan hệ giữa lãnh đạo và văn hóa tổ chức: lãnh đạo sử dụng văn hóa như công cụ quản trị chiến lược, đồng thời

			đóng vai trò kiến tạo, duy trì và đổi mới văn hóa doanh nghiệp. Chương 5 giới thiệu các mô hình và phương pháp đo lường, đánh giá văn hóa doanh nghiệp (OCAI, DOCS, mô hình Schein, KPI văn hóa...) thông qua các tình huống và điển hình ứng dụng thực tế. Xuyên suốt các chương, sinh viên được tích hợp ứng dụng công cụ AI (ChatGPT, Gemini, Copilot...) để hỗ trợ thu thập thông tin, phân tích tình huống, soạn thảo kế hoạch văn hóa và trình bày kết quả học tập - đảm bảo cân bằng giữa khai thác công nghệ và tư duy độc lập, đạo đức học thuật.
50	Thị trường lao động	2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về thị trường lao động, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá sự vận động của thị trường lao động; cung cấp cho sinh viên những đặc điểm cơ bản, thực trạng thị trường lao động, hoạt động xuất khẩu lao động của Việt Nam. Đồng thời, sinh viên biết phân tích, đánh giá các chỉ tiêu phản ánh sự vận động của thị trường lao động, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế, xã hội của xuất khẩu lao động; nghiên cứu về phương hướng, giải pháp phát triển thị trường lao động trong mối quan hệ phát triển đồng bộ với các thị trường khác.
51	Hệ thống thông tin nhân lực	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin nhân lực và vai trò của công nghệ thông tin trong quản trị nguồn nhân lực. Nội dung học phần bao gồm các thành phần của hệ thống thông tin nhân lực, quy trình quản lý dữ liệu nhân sự, ứng dụng HRIS trong tuyển dụng, đào tạo, đánh giá thực hiện công việc, quản lý tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời, học phần giới thiệu các xu hướng chuyển đổi số, phân tích dữ liệu nhân sự, trí tuệ nhân tạo (AI) và các vấn đề về bảo mật, an toàn thông tin trong quản trị nhân lực. Qua học phần, người học có khả năng khai thác và ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp và tổ chức.
52	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL	2	Học phần này cung cấp những kiến thức và kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu cốt lõi liên quan trực tiếp đến quy trình và hoạt động Quản trị nhân lực (HR) tại các doanh nghiệp và tổ chức. Nội dung học phần xoay quanh các chủ đề thực tế bao gồm: quy trình tuyển dụng (lập mô tả công việc, đăng tuyển); quy trình sàng lọc và lựa chọn nhân sự (đánh giá CV, kỹ năng phỏng vấn chuyên nghiệp); quản trị quan hệ lao động (hợp đồng lao động, quy trình kỷ luật, giải quyết khiếu nại, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp); và phát triển nguồn nhân lực (đánh giá hiệu suất, đào tạo và phát triển, thúc đẩy bình đẳng và đa dạng nơi công sở). Học phần giúp người học

			phát triển năng lực ngôn ngữ chuyên ngành và giao tiếp hiệu quả trong môi trường nhân sự quốc tế. a. Từ vựng: Từ vựng, thuật ngữ cơ bản liên quan đến ngành quản trị nhân lực như: từ vựng về bảng mô tả công việc tiêu chuẩn kỹ năng nhân sự, các nguồn tuyển dụng và quảng cáo; quảng cáo tuyển dụng, sơ yếu lý lịch, phỏng vấn tuyển dụng và vấn nạn phân biệt tuổi tác; hợp đồng lao động, quy trình kỷ luật và giải quyết khiếu nại, an toàn vệ sinh lao động, áp lực công việc và tai nạn nghề nghiệp; thực tế phát triển HR, giải quyết các vấn đề nhân sự, phỏng vấn và báo cáo đánh giá, các khóa đào tạo, bình đẳng cơ hội và sự đa dạng nơi công sở. b. Ngữ pháp: Củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản đã học ở AV1, AV2, AV3, AV4, AV5; Cấu trúc đưa ra gợi ý, thể hiện sự đồng ý hoặc phản đối, cấu trúc sắp xếp lịch hẹn, ngôn ngữ đặt câu hỏi khi phỏng vấn, ngôn ngữ pháp lý trong hợp đồng, ngôn ngữ đánh giá nhân sự. c. Kỹ năng + Đọc (Reading): Kỹ năng đọc quét (scanning) và đọc lướt (skimming) để phân tích các văn bản nhân sự như: bảng mô tả công việc, hồ sơ ứng viên (CV), điều khoản hợp đồng lao động,… + Nghe (Listening): Nghe hiểu các cuộc hội thoại giao tiếp nhân sự ở mức độ trung cấp; kỹ năng nghe lấy từ khóa, thông tin cốt lõi, số liệu trong các buổi phỏng vấn tuyển dụng, … + Nói (Speaking): Phát triển kỹ năng phỏng vấn và trả lời phỏng vấn (tuyển dụng và đánh giá); đặt câu hỏi khai thác thông tin, … + Viết (Writing): Kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính nhân sự thông dụng bằng Email hoặc văn bản theo mẫu chuyên nghiệp, bao gồm: Thư mời nhận việc, Thư từ chối ứng viên, …
53	Quản trị thương hiệu	2	Học phần Quản trị thương hiệu giới thiệu các nội dung cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu; quy trình xây dựng và phát triển thương hiệu; chiến lược thương hiệu; thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; truyền thông thương hiệu và marketing thương hiệu; bảo hộ, bảo vệ và xử lý các vấn đề liên quan đến thương hiệu; định giá thương hiệu; đo lường hiệu quả hoạt động thương hiệu và phát triển thương hiệu trong doanh nghiệp. Học phần cũng lồng ghép các bài tập tình huống, dự án và ứng dụng các công cụ số, phần mềm và AI trong hoạt động quản trị thương hiệu.
54	Quản trị nhân lực trong lĩnh vực công	2	Học phần Quản trị nhân lực trong lĩnh vực công được thiết kế theo ba cấp độ phát triển năng lực người học. Ở cấp độ cơ bản, sinh viên được trang bị các kiến thức nền tảng về khu vực công, đặc điểm nhân lực khu vực công, hệ thống thể chế - pháp luật về cán bộ, công chức, viên

			chức và tổ chức bộ máy quản lý nhân lực khu vực công. Ở cấp độ nâng cao, sinh viên vận dụng các công cụ và quy trình quản trị nhân lực để hoạch định, tuyển dụng, bố trí sử dụng, đào tạo - bồi dưỡng và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định pháp luật hiện hành. Ở cấp độ mở rộng, sinh viên phát triển khả năng phân tích, tư duy phản biện và đề xuất giải pháp về đãi ngộ, tạo động lực làm việc và chuyển đổi số trong quản trị nhân lực khu vực công, thông qua việc giải quyết các tình huống thực tiễn, thảo luận nhóm và ứng dụng công nghệ. Học phần góp phần hình thành năng lực vận dụng kiến thức quản trị nhân lực vào thực tiễn hoạt động của các cơ quan, tổ chức khu vực công và hỗ trợ quá trình ra quyết định quản lý nhân sự.
55	Quản trị nhân lực quốc tế	2	Môn học Quản trị nguồn nhân lực quốc tế cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản trị con người trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Môn học tập trung nghiên cứu các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp đa quốc gia, các tổ chức có hoạt động xuyên biên giới và môi trường làm việc đa văn hóa. Thông qua môn học, người học sẽ tìm hiểu những khác biệt giữa quản trị nguồn nhân lực trong nước và quốc tế; phân tích tác động của các yếu tố văn hóa, kinh tế, pháp luật và thể chế đến các chính sách nhân sự. Đồng thời, môn học trang bị kiến thức về hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng và lựa chọn nhân sự quốc tế, quản lý thành tích, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực toàn cầu, quản trị nghề nghiệp quốc tế, hệ thống lương thưởng và các vấn đề quan hệ lao động trong doanh nghiệp đa quốc gia. Bên cạnh việc tiếp cận các lý thuyết và mô hình quản trị hiện đại, người học còn được rèn luyện khả năng phân tích và giải quyết các tình huống thực tiễn trong môi trường kinh doanh quốc tế, từ đó nâng cao năng lực làm việc và quản lý hiệu quả trong các tổ chức đa văn hóa và doanh nghiệp hoạt động trên phạm vi toàn cầu.
56	Khóa luận tốt nghiệp	10	Học phần khóa luận tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực đòi hỏi sinh viên thực hiện một nghiên cứu độc lập hoặc đề xuất giải pháp ứng dụng nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong quản trị con người tại tổ chức, doanh nghiệp. Nội dung học phần bắt đầu từ việc khảo sát thực địa, thu thập và phân tích dữ liệu thực tế liên quan đến các chức năng nhân sự như tuyển dụng, đào tạo, đánh giá hiệu suất, trả lương hoặc tạo động lực làm việc. Trên cơ sở đối chiếu giữa lý thuyết chuyên ngành và thực trạng hoạt động, sinh viên tiến hành chẩn đoán nguyên nhân, xác định các hạn chế cốt lõi và điểm nghẽn đang tồn tại. Học phần tập trung vào việc xây dựng hệ

			thống giải pháp, khuyến nghị có tính khả thi, sáng tạo và bám sát chiến lược phát triển của đơn vị nghiên cứu. Cuối cùng, sinh viên hoàn thiện một báo cáo khoa học bài bản, chuẩn mực và thực hiện bảo vệ kết quả nghiên cứu trước Hội đồng đánh giá.
57	Chuyên đề tốt nghiệp	4	Học phần Chuyên đề tốt nghiệp ngành Quản trị nhân lực tập trung hướng dẫn sinh viên cách thức tiếp cận và phân tích một bức tranh toàn cảnh về hoạt động quản trị nhân sự tại đơn vị thực tập. Nội dung học phần bao gồm việc tìm hiểu tổng quan về lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, nguồn lực và kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp. Tiếp đó, sinh viên đi sâu khảo sát thực trạng công tác quản trị nhân lực tại tổ chức, từ khâu hoạch định, tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá thành tích, trả công và tạo động lực cho người lao động. Trên cơ sở nguồn dữ liệu thu thập được, học phần giúp rèn luyện phương pháp phân tích, đánh giá những điểm mạnh, hạn chế và nguyên nhân tồn tại trong công tác quản lý con người. Cuối cùng, sinh viên vận dụng lý luận đã học để đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị nhân lực, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Toàn bộ nội dung nghiên cứu được tổng hợp và trình bày một cách khoa học, logic dưới dạng một báo cáo chuyên môn bài bản.
58	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	3	Học phần An toàn và sức khỏe nghề nghiệp cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức và kỹ năng nền tảng về quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong doanh nghiệp. Nội dung học phần bao gồm: (1) tổng quan về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, khái niệm, vai trò, lịch sử phát triển và trách nhiệm của các bên liên quan; (2) hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn và quy định về an toàn, vệ sinh lao động tại Việt Nam và quốc tế, bao gồm Luật An toàn, vệ sinh lao động và tiêu chuẩn ISO 45001; (3) phương pháp nhận diện mối nguy, đánh giá và kiểm soát rủi ro nghề nghiệp; (4) bệnh nghề nghiệp, các yếu tố có hại trong môi trường làm việc và nguyên lý công thái học (ergonomics); (5) xây dựng, triển khai và vận hành hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp (OHSMS), chương trình huấn luyện và văn hóa an toàn trong doanh nghiệp; (6) kỹ năng sơ cấp cứu cơ bản, quy trình điều tra tai nạn lao động và ứng phó tình huống khẩn cấp. Thông qua các hoạt động giảng dạy lý thuyết, thảo luận tình huống, bài tập nhóm và thực hành mô phỏng, học phần giúp sinh viên hình thành năng lực phân tích, đánh giá rủi ro nghề nghiệp và đề xuất giải pháp quản lý an toàn phù hợp với thực tiễn doanh nghiệp.

59	Tạo động lực lao động	3	Học phần Tạo động lực lao động cung cấp các kiến thức về bản chất, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến động lực lao động; các học thuyết tạo động lực và cách thức vận dụng; tiêu chí, phương pháp đánh giá động lực lao động; tạo động lực thông qua các chính sách nhân sự như đãi ngộ, khen thưởng – kỷ luật, đào tạo và phát triển, văn hóa doanh nghiệp; đồng thời trang bị các phương pháp và kỹ năng khích lệ, động viên người lao động. Học phần chú trọng vận dụng kiến thức vào phân tích tình huống và giải quyết các vấn đề tạo động lực trong thực tiễn doanh nghiệp.

7. Chuyển ngành đào tạo và học tập suốt đời

7.a. Sinh viên trường khác, ngành khác có thể chuyển đến?	Có thể
7.b. Sinh viên có thể chuyển đi sang học ngành khác?	Có thể
7.c. Cơ hội học sau đại học hoặc học 2 văn bằng	
Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học tiếp thạc sĩ, tiến sĩ hoặc tham gia học văn bằng thứ 2 trong cùng lĩnh vực.	

8. Chất lượng và các tiêu chuẩn

Nhà trường và Khoa cam kết xây dựng môi trường học tập chủ động, trải nghiệm thực tế và linh hoạt thay đổi phương pháp giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội, đóng góp vào sự phát triển của đất nước và hòa nhập nhanh với môi trường quốc tế. Với những chính sách cụ thể như:

- Tạo ra môi trường học tập năng động, trải nghiệm thực tế, giúp người học phát huy năng lực cá nhân để có thể khởi nghiệp, học tập suốt đời;
- Tăng cường kết hợp với doanh nghiệp thực tế trong và ngoài nước để thực hiện phương thức đào tạo "Tuyển sinh – Đào tạo – Việc làm";
- Bám sát mục tiêu luôn gia tăng chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ cộng đồng bằng cách hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới phương pháp giảng dạy, đào tạo đội ngũ CB.GV.NV đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu chất lượng để đảm bảo thực hiện chuẩn đầu ra đối với sinh viên;
- Phát triển mô hình giáo dục mở, xây dựng xã hội học tập dựa trên giáo dục số và CMCN 4.0;
- Gia tăng kiểm soát chất lượng toàn diện để tăng sự hài lòng của sinh viên và các bên liên quan.

9. Ngày thiết kế/rà soát Bản mô tả chương trình đào tạo

Ngày 22 tháng 12 năm 2025

DUYỆT	
Q. HIỆU TRƯỞNG	**P. TRƯỞNG KHOA**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG	
PGS. TS. Nguyễn Hữu Cương	**PGS. TS. Lê Trọng Hùng**